

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /2021/NQ-HĐND

Lâm Đồng, ngày 04 tháng 8 năm 2021

NGHỊ QUYẾT

**Quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công
nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG
KHÓA X KỲ HỌP THỨ 2**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

*Căn cứ Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020
của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định
mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025;*

*Căn cứ Quy chế lập, thẩm tra, quyết định kế hoạch tài chính 05 năm địa
phương, kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm địa phương, kế hoạch tài chính
- ngân sách nhà nước 03 năm địa phương, dự toán và phân bổ ngân sách địa
phương, phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương hằng năm ban hành kèm
theo Nghị định số 31/2017/NĐ-CP ngày 23 tháng 3 năm 2017 của Chính phủ;*

*Căn cứ Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg ngày 14 tháng 9 năm 2020 của
Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Nghị quyết số
973/2020/UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc
hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công
nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025;*

*Xét Tờ trình số 5232/TTr-UBND ngày 23 tháng 7 năm 2021 của Ủy ban
nhân dân tỉnh về dự thảo Nghị quyết quy định các nguyên tắc, tiêu chí và định
mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-
2025 trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân
sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân
tại kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

**Điều 1. Nguyên tắc chung và thứ tự ưu tiên phân bổ vốn đầu tư công
nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025 và hàng năm**

1. Nguyên tắc chung và thứ tự ưu tiên phân bổ vốn đầu tư công nguồn
ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025 và hàng năm thực hiện theo quy định

tại Điều 51 Luật Đầu tư công và Điều 4 Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 (sau đây gọi tắt là Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14).

2. Trong quá trình điều hành ngân sách nhà nước, nguồn tăng thu, tiết kiệm chi ngân sách nhà nước sử dụng theo quy định tại Điều 59 Luật Ngân sách nhà nước; đối với phần vốn dành cho đầu tư phát triển (nếu có), Ủy ban nhân dân báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định, trong đó ưu tiên bố trí vốn để thực hiện các dự án cấp bách phát sinh nhằm thực hiện mục tiêu, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương.

Điều 2. Nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương

1. Vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương được phân bổ theo ngành, lĩnh vực quy định tại Điều 3 Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Nghị quyết số 973/UBTVQH14.

2. Tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư nguồn ngân sách địa phương:

a) Vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương bố trí cho nhiệm vụ, chương trình, dự án thuộc nhiệm vụ chi đầu tư của ngân sách địa phương theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và thuộc đối tượng đầu tư công quy định tại Điều 5 Luật Đầu tư công;

b) Dành 25% vốn đầu tư công nguồn ngân sách tập trung phân bổ cho các huyện, thành phố để thực hiện các nhiệm vụ chi đầu tư của ngân sách cấp huyện theo phân cấp;

c) Phân bổ vốn đầu tư công nguồn thu tiền sử dụng đất và nguồn thu từ hoạt động xổ số kiến thiết theo quy định của cấp có thẩm quyền.

3. Thứ tự ưu tiên phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương:

a) Phân bổ đủ vốn để hoàn trả vốn ứng trước có trong kế hoạch đầu tư công trung hạn của địa phương;

b) Phân bổ vốn cho dự án đã hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng nhưng chưa bố trí đủ vốn;

c) Phân bổ vốn đối ứng của ngân sách địa phương cho dự án sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài; vốn đầu tư của ngân sách địa phương tham gia thực hiện dự án theo phương thức đối tác công tư; vốn đối ứng của ngân sách địa phương cho dự án trọng điểm, dự án có tính liên kết vùng, có ý nghĩa thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững;

d) Phân bổ vốn cho dự án chuyển tiếp thực hiện theo tiến độ được phê duyệt; dự án dự kiến hoàn thành trong kỳ kế hoạch;

e) Phân bổ vốn để thực hiện nhiệm vụ quy hoạch và nhiệm vụ cấp bách khác của địa phương;

g) Phân bổ vốn chuẩn bị đầu tư để lập, thẩm định, quyết định chủ trương đầu tư và lập, thẩm định, quyết định đầu tư chương trình, dự án;

h) Phân bổ vốn cho dự án khởi công mới đáp ứng yêu cầu quy định tại khoản 5 Điều 51 Luật Đầu tư công.

Điều 3. Tiêu chí phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách tập trung cho các huyện, thành phố giai đoạn 2022-2025

1. Tiêu chí dân số (bao gồm 02 tiêu chí: Số dân trung bình và số người dân tộc thiểu số căn cứ theo số liệu công bố năm 2020 của cơ quan có thẩm quyền):

a) Điểm của tiêu chí số dân trung bình:

- Địa phương có số dân trung bình dưới 50.000 người được 03 điểm;
- Địa phương có số dân trung bình từ 50.000 người đến dưới 100.000 người được 04 điểm;
- Địa phương có số dân trung bình trên 100.000 người được 04 điểm và cứ 10.000 người tăng thêm được tính thêm 0,2 điểm.

b) Điểm của tiêu chí số người dân tộc thiểu số: Cứ 1.000 người dân tộc thiểu số được tính 0,1 điểm.

2. Tiêu chí về trình độ phát triển (bao gồm 03 tiêu chí: Tỷ lệ hộ nghèo căn cứ theo số liệu công bố năm 2020 của cơ quan có thẩm quyền; số thu ngân sách nhà nước về thuế, phí, lệ phí trên địa bàn do huyện, thành phố trực tiếp quản lý thu và tỷ lệ điều tiết về ngân sách cấp tỉnh căn cứ theo báo cáo quyết toán năm 2020):

a) Điểm của tiêu chí tỷ lệ hộ nghèo:

- Địa phương có tỷ lệ hộ nghèo dưới 1% được 01 điểm;
- Địa phương có tỷ lệ hộ nghèo từ 1% trở lên được 01 điểm và cứ 0,1% tăng thêm được tính thêm 0,03 điểm.

b) Điểm của tiêu chí thu ngân sách nhà nước trên địa bàn:

- Địa phương có số thu ngân sách dưới 30 tỷ đồng được 20 điểm;
- Địa phương có số thu ngân sách từ 30 tỷ đồng đến dưới 60 tỷ đồng được 20 điểm và cứ 01 tỷ đồng tăng thêm được tính thêm 0,12 điểm;
- Địa phương có số thu ngân sách từ 60 tỷ đồng đến dưới 90 tỷ đồng được 23,6 điểm và cứ 01 tỷ đồng tăng thêm được tính thêm 0,15 điểm;
- Địa phương có số thu ngân sách từ 90 tỷ đồng trở lên được 28,1 điểm và cứ 01 tỷ đồng tăng thêm được tính thêm 0,18 điểm.

c) Điểm của tiêu chí tỷ lệ điều tiết về ngân sách cấp tỉnh: Cứ 1% điều tiết về ngân sách cấp tỉnh được tính 01 điểm.

3. Tiêu chí diện tích (bao gồm 02 tiêu chí: Diện tích đất tự nhiên và tỷ lệ che phủ rừng căn cứ vào số liệu công bố năm 2020 của cơ quan có thẩm quyền):

a) Điểm về tiêu chí diện tích đất tự nhiên:

- Địa phương có diện tích đất tự nhiên dưới 500 km² được 03 điểm;
- Địa phương có diện tích đất tự nhiên từ 500 km² đến dưới 1.000 km² được 06 điểm;
- Địa phương có diện tích đất tự nhiên từ 1.000 km² trở lên được 09 điểm.

b) Điểm về tiêu chí tỷ lệ che phủ rừng:

- Địa phương có tỷ lệ che phủ rừng dưới 30%, không có điểm;
- Địa phương có tỷ lệ che phủ rừng từ 30% đến dưới 45% được 01 điểm;
- Địa phương có tỷ lệ che phủ rừng từ 45% đến dưới 60% được 1,5 điểm;
- Địa phương có tỷ lệ che phủ rừng từ 60% trở lên được 02 điểm.

4. Tiêu chí về số đơn vị hành chính cấp xã:

- Địa phương có dưới 08 đơn vị hành chính cấp xã được 03 điểm;
- Địa phương có từ 08 đơn vị hành chính cấp xã trở lên được 03 điểm và cứ 01 đơn vị hành chính cấp xã tăng thêm được tính thêm 0,1 điểm.

Điều 4. Định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách tập trung cho các huyện, thành phố giai đoạn 2022-2025

1. Điểm số của các huyện, thành phố:

Căn cứ các tiêu chí quy định tại Điều 3 Nghị quyết này, điểm số ổn định cho cả giai đoạn 2022-2025 của từng huyện, thành phố như sau:

- a) Thành phố Đà Lạt : 247 điểm (tỷ lệ 19,2%);
- b) Huyện Lạc Dương : 71 điểm (tỷ lệ 5,5%);
- c) Huyện Đơn Dương : 91 điểm (tỷ lệ 7,1%);
- d) Huyện Đức Trọng : 123 điểm (tỷ lệ 9,6%);
- đ) Huyện Lâm Hà : 97 điểm (tỷ lệ 7,6%);
- e) Huyện Đam Rông : 73 điểm (tỷ lệ 5,7%);
- g) Huyện Di Linh : 104 điểm (tỷ lệ 8,1%);
- h) Huyện Bảo Lâm : 98 điểm (tỷ lệ 7,6%);
- i) Thành phố Bảo Lộc : 163 điểm (tỷ lệ 12,7%);
- k) Huyện Đạ Huoai : 79 điểm (tỷ lệ 6,2%);
- l) Huyện Đạ Tẻh : 73 điểm (tỷ lệ 5,7%);
- m) Huyện Cát Tiên : 64 điểm (tỷ lệ 5,0%).

2. Định mức phân bổ vốn cho huyện, thành phố hàng năm được xác định theo công thức:

$$\text{Mức vốn phân bổ cho từng huyện, thành phố hàng năm} = \frac{\text{Tổng mức vốn phân bổ cho các huyện, thành phố hàng năm quy định tại điểm b khoản 2 Điều 2 Nghị quyết này}}{1.283} \times \text{Điểm số của từng huyện, thành phố}$$

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.
2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết theo quy định của pháp luật.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Lâm Đồng Khóa X Kỳ họp thứ 2 thông qua ngày 04 tháng 8 năm 2021 và có hiệu lực từ ngày 14 tháng 8 năm 2021./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh, Chính phủ;
- VPQH, VPCP;
- Các Bộ: KH và ĐT, Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế - Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- TT.TU, TT.HĐND, UBND tỉnh;
- BTT.UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH đơn vị tỉnh Lâm Đồng;
- Đại biểu HĐND tỉnh Khóa X;
- VP: TU, Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- TT.HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Đài PT-TH tỉnh, Báo LĐ;
- Cổng TTĐT tỉnh;
- TT Công báo - Tin học tỉnh;
- TT Lưu trữ tỉnh;
- Trang TTĐT HĐND tỉnh;
- Lưu: VT, HS kỳ họp.

CHỦ TỊCH

Trần Đức Quận